

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

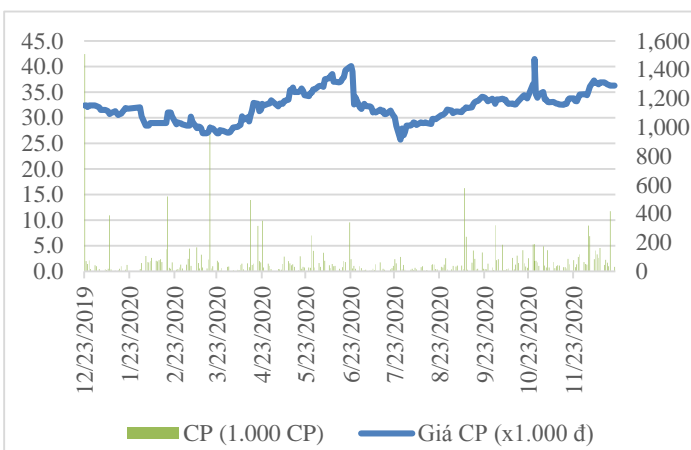


CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (HNX: NTP)

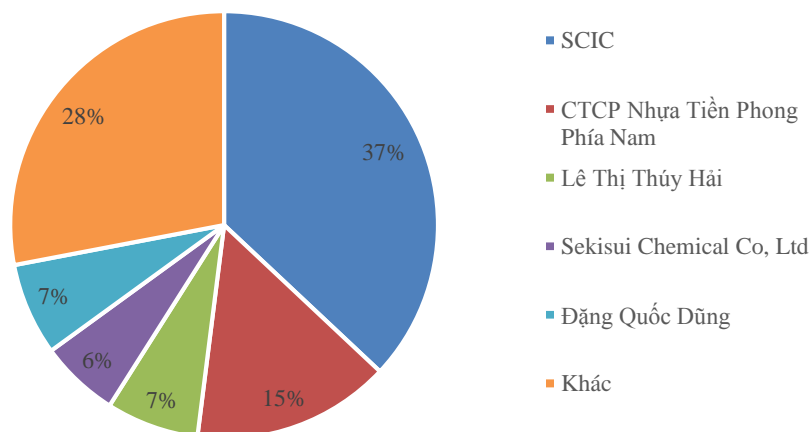
KHUYẾN NGHỊ: MUA

Giá mục tiêu (12T)	Đồng/CP	41.500
Nhóm ngành		Sản xuất nhựa
Số lượng CP	Triệu CP	117,79
Giá sổ sách	Đồng	22.775
Thị giá (18/12/2020)	Đồng/CP	36.300
Vốn hóa thị trường	Tỷ đồng	4.276
Giá cao nhất 52 tuần	Đồng/CP	37.300
Giá thấp nhất 52 tuần	Đồng/CP	20.900
KLGD BQ 10 phiên	CP	30.979
EPS 4 quý gần nhất	Đồng/CP	3.819
PE trailing		9,5x

BIỂU ĐỒ BIẾN ĐỘNG GIÁ



THÔNG TIN CỔ ĐÔNG



ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

- Hoạt động kinh doanh cốt lõi của NTP là sản xuất và kinh doanh nhựa vật liệu xây dựng. Các dòng sản phẩm chính hiện nay bao gồm: Ống PP-R và phụ tùng PP-R, ống HDPE và phụ tùng HDPE, ống uPVC và phụ tùng uPVC, ống và phụ tùng luồn dây điện,.. Dòng sản phẩm ống và phụ tùng PVC, PPR phục vụ nhu cầu xây dựng dân dụng; còn dòng sản phẩm ống và phụ tùng HDPE phục vụ cho các dự án xây dựng hạ tầng cấp, thoát nước. Hiện tại, NTP có 03 nhà máy hoạt động tại Hải Phòng, Bình Dương, Nghệ An với tổng năng lực sản xuất khoảng 150.000 tấn/năm, dẫn đầu thị trường ống nhựa ở khu vực Miền Bắc. Ngoài ra, NTP đã phát triển hệ thống phân phối với 09 trung tâm phân phối, hơn 300 đại lý và gần 16.000 cửa hàng trên toàn quốc.
- Doanh thu 9T/2020 đạt 3.393 tỷ đồng (0,2% yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 342 tỷ đồng (13,6% yoy), biên lãi gộp đạt 9 tháng đạt 33,0% (cùng kỳ đạt 30,3%).
- Nguyên liệu nhựa chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của Công ty, khoản 70% và hầu hết được nhập khẩu nên biến động giá nguyên liệu nhựa trên thị trường thế giới và khu vực sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến biên lợi nhuận gộp của NTP. Giá nguyên vật liệu nhựa có mối quan hệ tương quan tỷ lệ thuận với giá dầu, xu hướng giảm giá dầu có thể làm giảm giá thành nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp. Giá dầu Brent bình quân năm 2019 ở mức 63,9 USD/thùng. Theo dự báo của Quỹ tiền tệ quốc tế, giá dầu năm 2021 sẽ ở mức 40-50 USD/thùng. Từ đó biên lợi nhuận gộp kỳ vọng tiếp tục được cải thiện.

❖ GÓC NHÌN KỸ THUẬT



NTP đã thoát khỏi kênh giảm giá và đang hồi phục hướng về mức fibonacci 61% tương đương mức giá có thể đạt được là 44.000đ/cp.

❖ ĐỊNH GIÁ

- Triển vọng:

Theo dự báo của Nexant, nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu nhựa toàn thế giới chỉ tăng trưởng bình quân 3,8% một năm giai đoạn 2017 - 2025. Nguyên nhân do ngành nhựa thế giới đã ở trong giai đoạn bão hòa khi sản lượng nhựa sản xuất toàn cầu chỉ tăng trưởng với tốc độ trung bình ở mức 4% trong vòng 20 năm qua. Tổng sản lượng ống tiêu thụ năm 2019 đạt 95.450 tấn, tăng 7,7% so với năm 2018. Nhìn chung trong giai đoạn từ 2017 đến 2019, sản lượng ống tiêu thụ có mức tăng trưởng chậm. Tăng trưởng doanh thu trong giai đoạn này trung bình đạt 3%/năm. Trong năm 2019, NTP đã thay đổi chính sách kinh doanh nhằm duy trì tăng trưởng sản lượng tiêu thụ bằng cách điều chỉnh tăng tỷ lệ giảm giá trên hóa đơn hơn so với năm 2018 khoảng 2,2% nên doanh thu năm 2019 giảm 2,2% so với doanh thu năm 2018 khi so sánh tương đương

Năm	2020F	2021F	Nhận xét
Doanh thu thuần	4.923	5.120	
<i>Sản lượng tiêu thụ</i>	Sản lượng trung bình tăng 4% trong giai đoạn 2020 -2024		
<i>Giá bán trung bình</i>	Giá bán giảm giá trung bình 1% trong giai đoạn 2020 - 2024		
Giá vốn hàng bán	3.348	3.533	
Lợi nhuận gộp	1.575	1.587	Biên lợi nhuận tăng do giá nguyên liệu giảm (31% - 33%)
Lãi/lỗ hoạt động tài chính	-66	-49	
Chi phí SG&A	998	955	

BÁO CÁO PHÂN TÍCH NGẮN

Lợi nhuận từ HĐKD	524	595	
Lợi nhuận khác	6	6	
LNTT	531	601	
LNST	461	522	
EPS	3.914	4.435	

- Phương pháp chiết khấu dòng tiền theo FCFF

Đơn vị tính: Tỷ đồng	2020F	2021F	2022F	2023F	2024F
Lợi nhuận ròng	461	522	556	587	619
Khấu hao	161	170	180	191	204
Thay đổi vốn lưu động	(6)	52	63	67	69
Đầu tư TSCĐ	190	186	210	254	322
Lãi vay	62	49	49	32	24
FCFF	499	503	502	490	456
Hệ số chiết khấu	0.25	1.25	2.25	3.25	4.25
WACC	9.8%				
Giá trị hiện tại	5.477				
Nợ	1.002				
Số lượng CP lưu hành	117.796.183				
Giá trị mỗi cổ phiếu (đồng/CP)	37.993				

- Phương pháp so sánh

Stt	Tên công ty	Mã CK	EPS	P/E
1	Nhựa Bình Minh	BMP	6.185	10.40
2	Nhựa Đông Á	DAG	360	18.71
Trung bình				14.55
	Nhựa Tiên Phong	NTP	3.819	9.53

- Tổng hợp các phương pháp

Stt	Phương pháp	Trọng số	Giá CP	Tổng số
1	Phương pháp FCFF	80%	37.993	30.394
2	Phương pháp P/E	20%	55.566	11.113
Giá cổ phiếu				41.507

TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bảng CĐKT (Đvt: Tỷ đồng)				
Năm	2017	2018	2019	9T2020
Tài sản ngắn hạn	2.302	2.663	2.363	1.990
Tiền và tương đương tiền	125	83	297	159
Đầu tư TC ngắn hạn	-	-	10	-
CKPT ngắn hạn	1.293	1.550	958	953
Hàng tồn kho	865	1.008	1.079	870
TSNH khác	32	35	24	8
Tài sản dài hạn	1.959	2.213	2.189	2.156
CKPT dài hạn	-	-	-	-
Tài sản cố định	1.315	1.552	1.536	1.467
BDS đầu tư	-	-	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	192	184	131	153
Đầu tư TC dài hạn	444	456	510	522
Tài sản dài hạn khác	8	20	12	14
Lợi thế thương mại	-	-	-	-
Tổng tài sản	4.262	4.876	4.552	4.146
Nợ phải trả				
Nợ phải trả	2.176	2.624	1.985	1.463
Phải trả người bán ngắn hạn	270	268	260	161
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2	2	2	11
Phải trả người lao động	48	44	73	47
Chi phí phải trả NH	114	132	123	138
Vay nợ ngắn hạn	1.456	1.884	1.363	1.002
Vay nợ dài hạn	238	236	131	40
Các khoản nợ khác	49	57	34	64
Vốn chủ sở hữu	2.943	4.015	4.875	2.683
Vốn góp chủ sở hữu	892	892	981	1.178
Thặng dư cổ phần	-	-	-	-
LNST chưa phân phối	461	536	623	563
Nguồn khác	733	824	963	942
Tổng nguồn vốn	4.262	4.876	4.552	4.146

Bảng KQ HDKD (tỷ đồng)				
Năm	2017	2018	2019	9T2020
Doanh thu thuần	4.430	4.520	4.760	3.394
Giá vốn hàng bán	2.958	3.189	3.325	2.272
Lợi nhuận gộp	1.473	1.331	1.434	1.121
Doanh thu HĐ tài chính	2	15	17	14
Chi phí HĐ tài chính	77	108	115	69
Chi phí bán hàng	779	733	746	495
Chi phí QLDN	182	148	136	186
Lãi lỗ liên doanh/liên kết	109	19	13	13
Lợi nhuận thuần từ HDKD	547	376	467	398
Lợi nhuận khác	10	3	4	2
Lợi nhuận trước thuế	556	380	471	400
Lợi nhuận sau thuế	493	332	409	342
Một số chỉ số tài chính				
Năm	2017	2018	2019	9T2020
Nhóm chỉ số tăng trưởng (%)				
Tăng trưởng Doanh thu	1,7	2,0	5,3	0,2
Tăng trưởng lãi gộp	-6,2	-9,6	7,8	9,1
Tăng trưởng LNST cổ đông cty mẹ	23,9	-32,7	23,4	13,6
Nhóm chỉ số sinh lời (%)				
Biên lãi gộp	33,2	29,4	30,1	33,4
Biên lãi ròng	11,1	7,3	8,6	10,8
ROA	12,8	7,3	8,7	7,9
ROE	25,1	15,3	16,9	13,0
Cơ cấu tài sản (%)				
TSNH/Tổng TS	54,0	54,6	51,9	48,0
Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	51,1	53,8	43,6	35,3
Vay nợ/Tổng nguồn vốn	39,7	43,4	32,8	25,1
Nhóm chỉ số định giá				
EPS (đồng)	5.519	3.715	4.167	2.903
BVPS (đồng)	23.375	25.241	26.154	22.774

TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (gọi tắt là DAS) là thành viên của Tập đoàn tài chính Ngân hàng Đông Á, là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. DAS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam và đang nỗ lực không ngừng để mang lại những dịch vụ tài chính tốt nhất đến với khách hàng. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính, Tư vấn đầu tư và Lưu ký chứng khoán,.

Hệ thống chi nhánh**❖ Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Tầng 2 & 3 Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai. P.2. Q.3. TP. HCM

Điện thoại: (84 28) 3833 6333

Fax: (84 28) 3833 3891

❖ Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60–70 Nguyễn Công Trứ. P. Nguyễn Thái Bình. Quận 1. TP. HCM

Điện thoại: (84.8) 3821 8666

Fax: (84. 28) 3821.4891

❖ Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng. Q. Đống Đa. Hà Nội

Điện thoại: (84 24) 3944 5175

Fax: (84 24) 3944 5178 - 3944 5176

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.

Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của DAS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được DAS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, DAS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.

Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi DAS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của DAS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.